TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 25/10/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ - TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Lâm.
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Diện; Ông Phan Tùng Long.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thủy.
Đại diện VKSND huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:
Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, Toà án nhân dân huyện Lộc Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: "**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-DS ngày 16/9/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 27/9/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Hữi S - Sinh ngày: 20/7/1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Khối x, phường Đ, thành phố H, tỉnh H1.
Nghề nghiệp: Lái xe
Bị đơn: Chị Phạm Thị L - Sinh ngày: 10/10/1982 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L1, tỉnh H1.
Nghề nghiệp: Lao động tự do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018; bản tự khai ngày 16/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn (anh Phan Hữu S) trình bày: Do có mối quan hệ thân quen nên chị Phạm Thị L nhờ anh S vay tiền cho mình để mua đất. Ngày 03/9/2017, anh Phan Hữu S cho chị Phạm Thị L vay số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Khi anh S đưa tiền cho chị L vay thì chỉ trao tay chứ không viết giấy vay cụ thể. Chị L hứa trả lãi hàng tháng với mức lãi suất

1,1%/tháng. Chị L trả được 04 tháng tiền lãi thì chị L không trả nữa. Mỗi lần anh S đến đòi tiền gốc và tiền lãi thì chị L lại vào nhà viết giấy vay tiền là L vay anh S 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), chị L hẹn đến ngày 13/9/2018 sẽ trả đủ số tiền trên, các giấy hẹn trả tiền anh S đã nộp cho Tòa án. Do anh S đòi nợ nhiều lần nhưng chị L không chịu trả nên anh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả nợ số tiền gốc là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 12 tháng là 33.300.000đ (Ba ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 15/01/2019 bị đơn (chị Phạm Thị L) trình bày: Vào khoảng tháng 12/2017 (Âm lịch) chị L có vay anh Phan Hữu S số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Chị L đã trả nợ cho anh S từ tháng 01 đến tháng 06/2018 (Âm lịch), mỗi tháng trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), chia làm 03 lần trong tháng, mỗi lần trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và cách nhau 10 ngày. Ngoài ra khoảng tháng 3/2018, chị Long có trả cho anh S một lần số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền chị L đã trả cho anh S là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Đến tháng 7/2018 (Âm lịch), chị L đã trả đủ cho anh S 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền lãi. Khi vay tiền chị L có viết giấy cho anh S, đến tháng 7/2018 (Âm lịch) chị L đã trả hết nợ cho anh S và chị Long lấy lại giấy vay tiền từ anh S và đã xé hủy giấy vay nợ này. Do đó chị L không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của anh S.

Tại biên bản đối chất ngày 16/01/2019, anh S và chị L trình bày:

- Anh S: Do mối quan hệ quen biết nên anh S có cho chị L vay số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 03/9/2017, đưa tiền 01 lần tại bến xe buýt T2, khi vay hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 1,1%/tháng và không thỏa thuận thời hạn vay. Khi đưa tiền cho chị L hai bên không viết giấy, đến ngày 13/9/2018 anh S đến nhà chị L thì chị L mới viết giấy vay nợ. Ngoài ra anh S còn cho chị L vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng chị L đã trả hết rồi. Chị L đã thanh toán 04 tháng tiền lãi cho anh S từ ngày 03/9/2017 đến ngày 03/01/2018, mỗi tháng 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Hai tờ giấy vay tiền anh S xuất trình cho Tòa án là do chị L đưa từ trong nhà ra cho anh S, lúc đó anh S chờ ở bên ngoài nên anh S không rõ ai viết, anh S yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết trên hai tờ giấy với chữ viết của chị L và chữ viết của cháu Trần Thị A, con gái chị L, vì nguồn gốc hai tờ giấy do chị L đưa từ trong nhà ra cho anh S. Anh S cam kết sẽ cung cấp fide ghi âm về việc chị L vay của anh S số tiền 370.000.000đ (Ba trăm

bảy mươi triệu đồng) và fide ghi âm về việc chị L vay của anh S số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) mà chị L đã trả cho anh S. Anh S yêu cầu chị L phải trả nợ số tiền gốc là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi 33.300.000đ (Ba ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Chị L: Do mối quan hệ quen biết nên anh S có cho chị L vay số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), anh S đưa tiền khoảng 3 đến 4 lần, chị L không nhớ rõ cụ thể, nhưng tổng số tiền nợ là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Thời gian giao tiền trong tháng 12/2017 (Âm lịch), địa điểm giao tiền có lần ở bến xe buýt T2, có lần cách bến xe buýt T2 khoảng 2km, có lần anh S gửi xe buýt. Khi vay tiền chị L có viết giấy vay tiền cho anh S nhưng hiện nay chị L đã trả hết nợ và lấy lại giấy vay tiền đồng thời xé giấy đó rồi. Khi vay tiền chị L và anh S không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Việc trả nợ chị L trả từ tháng 01 đến tháng 06/2018, mỗi tháng trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), chia làm 03 lần trong tháng, mỗi lần trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và cách nhau 10 ngày. Ngoài ra khoảng tháng 3 hoặc tháng 4/2018, chị L có trả cho anh S một lần số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền chị L đã trả cho anh S là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Việc trả số tiền mỗi lần 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng là cả lãi lẫn gốc theo yêu cầu của anh S. Chị L không thừa nhận có vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và đã trả hết như lời trình bày của anh S. Mỗi lần chị L trả tiền cho anh S thì hai bên không viết giấy nhưng có nhắn tin cho nhau trên tin nhắn Messenger. Chị L không biết các giấy vay tiền mà anh S xuất trình là do ai viết, chị L đồng ý giám định vì chữ viết trong giấy đó không phải chữ viết của chị L. Chị L còn lưu tin nhăn Messenger giữa chị L với anh S về việc tính tiền của anh S để chị L trả hàng tháng. Chị L không chấp nhận yêu cầu trả nợ của anh S vì cho rằng đã trả cho anh S tổng số tiền 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng), số tiền trả thừa 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là tiền lãi cho anh S.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 25/01/2019, cháu Trần Thị A trình bày: Hai tờ giấy vay tiền do chú S xuất trình tại Tòa án là do cháu A viết. Tờ thứ nhất do chú S nhờ nên cháu A tự nguyện viết, sau đó cháu A có về kể với mẹ là chị L thì mẹ chỉ nói "Răng con dốt rứa". Tờ thứ hai, vào khoảng 12 giờ trưa cách sau đó ít ngày, cháu A đi học về đã thấy chú S ngồi trước hiên nhà, lần này chú S tiếp tục nhờ cháu A viết nhưng cháu A không viết và ra dắt xe đi thì chú S giữ lại không cho đi, do sợ hãi nên cháu A mới viết, khi viết xong giấy thì bố về và đuổi chú S ra khỏi nhà.

Tại biên bản đối chất ngày 25/2/2019, anh S và cháu A trình bày:

- Cháu A: Hai tờ giấy vay tiền do chú S xuất trình tại Tòa án là do cháu A viết, cháu A không nhớ thời gian cụ thể khi viết giấy mà chỉ nhớ sau thời gian nghỉ hè năm 2018, địa điểm viết giấy là tại phòng khách của gia đình. Nội dung tờ hai tờ giấy là do chú S đọc cho cháu A viết. Tờ thứ nhất do chú S nhờ nên cháu A tự nguyện viết, sau đó cháu A có về kể với mẹ là chị L thì mẹ chỉ nói "Răng con dốt rứa". Mục đích cháu A viết là để chú S không đến nhà nữa vì nếu bố thấy chú S đến nhà sẽ ghen về đánh mẹ. Tờ thứ hai, vào khoảng 12 giờ trưa cách sau đó ít ngày, cháu A đi học về đã thấy chú S ngồi trước hiên nhà, lần này chú S tiếp tục nhờ cháu A viết nhưng cháu A không viết và ra dắt xe đi thì chú S giữ lại không cho đi, do sợ hãi nên cháu A mới viết, khi viết xong giấy thì bố về và đuổi chú S ra khỏi nhà.

- Anh S: Hai tờ giấy vay tiền anh S xuất trình tại Tòa án là do chị L đưa từ trong nhà ra cho anh S, còn do ai viết thì anh S không rõ. Mỗi lần anh S đến nhà chị L thì đều gặp cả chị L và cháu A ở nhà, anh S cũng không nhờ cháu A viết mà đều được chị L đưa cho anh S từ trong nhà của chị L, do đó việc trình bày của cháu A là không đúng thực tế.

Giấy vay tiền (Ký hiệu A1 của VKHHS) thể hiện: Mặt trước: L vay của a S 370.000.000đ. Hẹn ngày 13/9/2018 (mười ngày nữa) sẽ trả cho a, ký tên L; mặt sau: L hẹn a S 10 ngày nữa sẽ trả tiền cho a, ký tên L. Giấy vay tiền (Ký hiệu A2 của VKHHS) thể hiện: Hẹn chiều mai gửi tiền lãi lên cho anh, ký tên L. L vay a S số tiền 370.000.000đ.

Tại kết luận giám định số 40/C09-P5 ngày 19/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an: Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra. (A1, A2 là ký hiệu các giấy vay tiền do anh Phan Hữu S xuất trình, M1 là bản tự khai cháu Trần Thị A, M2 là bài kiểm tra môn Ngữ văn của cháu Trần Thị A do Tòa án thu thập).

Tại Công văn số 1350/C09-P6 ngày 12/7/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện mẫu so sánh không đủ điều kiện để tiến hành giám định âm thanh. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị Phạm Thị L để tiến hành thu mẫu giám định theo hướng dẫn của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an nhưng chị Phạm Thị L không hợp tác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019, chị Phạm Thị L trình bày: Chị L thừa nhận giọng nói trong các đoạn ghi âm do anh S xuất trình là của chị L. Việc chị L thừa nhận nợ trong các đoạn ghi âm là do anh S ép buộc nên bắt buộc chị L phải nói như vậy. Chị L không nhớ thời gian cụ thể anh S thực hiện việc ghi âm, chỉ nhớ nửa cuối năm 2018, trước khi anh S khởi kiện vụ án tại Tòa án

khoảng 3 đến 4 tháng. Anh S không có lời nói hoặc dùng vũ lực ép buộc chị L, chị L thấy anh S cứ đến nhà hỏi nợ không chịu về nên chị L sợ chồng ghen nên nói như vậy.

Tại biên bản thu giữ chứng cứ ngày 25/9/2019, (tin nhắn Messenger trên điện thoại của chị Phạm Thị L), thể hiện: Chị Phạm Thị L xuất trình 01 điện thoại di động Sam Sung, trong điện thoại có lưu tin nhắn Messenger của Facebook S P trong đó có các tin nhắn bằng hình ảnh do tài khoản S P gửi đến tài khoản L L2 (của chị Phạm Thị L), bao gồm 21 hình ảnh. Thời gian gửi tin nhắn đầu tiên vào lúc 16 giờ 48 phút ngày 09/3/2017, thời gian gửi tin nhắn sau cùng vào lúc 08 giờ 42 phút ngày 20/6/2017.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2019, anh Phan Hữu S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị L phải trả nợ số tiền gốc là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày chị L trả đủ số nợ với lãi suất 11%năm. Chị Phạm Thị L trình bày hiện nay chị L đã trả đủ tiền nợ cho anh S nên không đồng ý trả tiền cho anh S nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự trình bày phù hợp với quá trình giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà đề nghị HĐXX áp dụng áp dụng điều 463, khoản 1, khoản 5 điều 466; điều 468; khoản 2 điều 469 BLDS; điều 147; khoản 2 điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hữu S buộc chị Phạm Thị L phải trả nợ cho anh Phan Hữu S 370.000.000đ tiền gốc đã vay đồng thời trả lãi vay theo thỏa thuận và phù hợp với quy định về mức lãi của ngân hàng nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Khi vay tiền anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đều không thông báo cho vợ và chồng của mình biết, do đó HĐXX xác định đây là giao dịch dân sự giữa cá nhân anh Phan Hữu S với cá nhân chị Phạm Thị L, nên không đưa vợ anh S và chồng chị L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đều thống nhất thừa nhận anh Phan Hữu S đã cho chị Phạm Thị L vay số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Anh S trình bày thời điểm vay nợ vào ngày 03/9/2017 còn chị L trình bày thời điểm vay nợ vào

tháng 12/2017 (Âm lịch). Anh S trình bày thời điểm vay nợ hai bên không viết giấy vay nợ, còn chị L trình bày thời điểm vay nợ chị L có viết giấy cho anh S, đến tháng 6/2018 (Âm lịch), chị L đã trả hết nợ cho anh S và chị L đã lấy lại giấy vay nợ từ anh S rồi xé nát. Anh S trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất 11%/năm và chị L đã trả được 4 tháng tiền lãi từ ngày 03/9/2017 đến ngày 03/01/2018, mỗi tháng 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Có lúc anh S trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận 1,1%/tháng. Theo anh S trình bày số tiền lãi hàng tháng chị L đã trả cho anh S 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) thì mức lãi suất 11%/năm mới chính xác. Chị L trình bày hai bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên chị L trình bày đã trả cho anh S tổng cộng 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền lãi. Do đó HĐXX đã đủ chứng cứ để khẳng định giữa anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi.

Hiện nay giữa anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đang tranh chấp nghĩa vụ trả nợ, anh S trình bày chị L chưa trả tiền gốc, còn tiền lãi mới trả đến hết ngày 03/01/2018. Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả nợ số tiền gốc là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày chị L trả đủ số nợ với lãi suất 11%/năm. Còn chị L trình bày đã trả hết nợ gốc cho anh S số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) vào tháng 6/2018 (Âm lịch) nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh S.

Đánh giá các chứng cứ do đương sự cung cấp nhằm bảo vệ quyền lợi của mình:

1. Anh S xuất trình hai giấy vay tiền do có nội dung: Giấy vay tiền (Ký hiệu A1 của VKHHS) thể hiện: Mặt trước: L vay của a S 370.000.000đ. Hẹn ngày 13/9/2018 (mười ngày nữa) sẽ trả cho a, ký tên L; mặt sau: L hẹn a Sơn 10 ngày nữa sẽ trả tiền cho a, ký tên L. Giấy vay tiền (Ký hiệu A2 của VKHHS) thể hiện: Hẹn chiều mai gửi tiền lãi lên cho anh, ký tên L; L vay a S số tiền 370.000.000đ. Căn cứ kết luận giám định số 40/C09-P5 ngày 19/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, HĐXX xác định chữ viết trên hai giấy vay tiền do anh Phan Hữu S xuất trình là chữ viết của cháu Trần Thị A (con gái chị Phạm Thị L).

Thời điểm viết giấy anh Phan Hữu S trình bày khoảng tháng 9/2018, cháu Trần Thị A không nhớ thời gian cụ thể khi viết giấy mà chỉ nhớ sau thời gian nghỉ hè năm 2018, như vậy HĐXX có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh Phan Hữu S về thời điểm viết giấy là tháng 9/2018.

Tại phiên tòa cháu Trần Thị A trình bày cả hai tờ giấy đều do chú S nhờ nên cháu A tự nguyện viết, sau đó cháu A có về kể với mẹ là chị L thì mẹ chỉ nói "Răng con dốt rứa". HĐXX xét thấy, thời điểm cháu A viết giấy đã trên 16 tuổi và đang học lớp 11 Trường PTTH Mai Thúc L3 nên đủ nhận thức để hiểu được nội dung giấy viết nhận nợ và cam kết trả nợ, mặt khác sau khi viết cháu A có nói cho chị L biết nhưng cả cháu A và chị L đề không tố cáo việc bị ép buộc viết giấy cho Cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương, do đó việc cháu A trình bày anh S nhờ vả viết hai giấy vay tiền là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Anh Phan Hữu S trình bày không nhờ, không ép buộc cháu A viết hai tờ giấy vay tiền đã xuất trình cho Tòa án mà đều được chị L đưa cho anh S từ trong nhà của chị L, việc trình bày của anh S là là có căn cứ, do đó được HĐXX chấp nhận.

2. Anh S cung cấp hai fide âm thanh do có nội dung: chị Phạm Thị L thừa nhận đang nợ anh S số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Mặc dù Tòa án đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định âm thanh theo yêu cầu của anh Phan Hữu S nhưng chị Phạm Thị L không hợp tác để Tòa án tiến hành thu mẫu giám định theo hướng dẫn của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an nên quyết định trưng cầu giám định không thực hiện được. Tuy nhiên chị L thừa nhận giọng nói trong các đoạn ghi âm do anh S xuất trình là do chị L nói. Tại phiên tòa, cả anh S và chị L đều thừa nhận thời điểm thực hiện ghi âm fide âm thanh thứ nhất vào ngày 10/02/2018, thời điểm thực hiện ghi âm fide âm thanh thứ hai vào ngày 19/7/2018. Trong đó nội dung fide âm thanh thứ nhất, ngày 10/02/2018 thể hiện chị L thừa nhận còn nợ số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Thời điểm này phù hợp với thời gian thể hiện trên giấy vay tiền là tháng 9/2018. Tại phiên tòa chị L trình bày việc thừa nhận nợ trong các đoạn ghi âm không bị anh S ép buộc. Mặt khác, hai fide âm thanh do anh S cung cấp thể hiện các cuộc đối thoại giữa anh S và chị L với thái độ hai người nói chuyện thoái mái, tự nhiên, không phải lời độc thoại của riêng mình chị L về nội dung nhận nợ. Do đó HĐXX chấp nhận chứng cứ do anh S xuất trình tại fide âm thanh thứ nhất, ngày 10/02/2018 thể hiện chị L thừa nhận còn nợ số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Chị Phạm Thị L xuất trình 01 điện thoại di động Sam Sung, trong điện thoại có lưu tin nhắn Messenger của Facebook S P trong đó có các tin nhắn bằng hình ảnh do tài khoản S P gửi đến tài khoản L L2 (của chị Phạm Thị L), bao gồm 21 hình ảnh. Thời điểm gửi tin nhắn đầu tiên vào lúc 16 giờ 48 phút ngày 09/3/2017, thời điểm gửi tin nhắn sau cùng vào lúc 08 giờ 42 phút ngày

20/6/2017. Anh S trình bày thời điểm vay nợ vào ngày 03/9/2017 còn chị L trình bày thời điểm vay nợ vào tháng 12/2017 (Âm lịch). So sánh lịch sử tin nhắn thì thời điểm tin nhắn có trước thời điểm các đương sự thừa nhận nợ từ 3 đến 6 tháng. Do đó việc chị L trình bày nội dung hình ảnh tin nhắn thể hiện việc chị L đã trả hết nợ cho anh S số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) là không có căn cứ, bởi vậy HĐXX không chấp nhận chứng cứ do chị Phạm Thị L xuất trình nhằm bảo vệ tính hợp pháp về lời khai của mình về nội dung đã trả hết nợ cho anh Phan Hữu S.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ trên, HĐXX có đủ căn cứ xác định số tiền 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) anh Phan Hữu S cho chị Phạm Thị L vay vào cuối năm 2017 chưa được chị Phạm Thị L thanh toán cho anh Phan Hữu S. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hữu S và áp dụng điều 463, khoản 1 điều 466, khoản 1 điều 469 BLDS buộc chị Phạm Thị L phải trả nợ cho anh Phan Hữu S 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc là phù hợp.

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về khoản tiền lãi:

- *Đối với mức lãi suất*: Anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đều trình bày vay có lãi, tuy nhiên Phan Hữu S trình bày lãi suất thỏa thuận 11%/năm, còn chị Phạm Thị L trình bày không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, do đó HĐXX xác định giữa anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi nhưng anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đang tranh chấp về mức lãi suất. Do đó HĐXX áp dụng khoản 5 điều 466; khoản 2 điều 468 BLDS chấp nhận mức lãi suất trong hạn 10%/năm.

- *Đối với thời gian chịu lãi*: Anh Phan Hữu S yêu cầu thời gian chịu lãi suất nợ trong hạn tính từ ngày 03/01/2018, thời điểm này sau thời điểm chị Phạm Thị L thừa nhận đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản là tháng 12/2017 (Âm lịch). Tuy nhiên căn cứ vào thời điểm các giấy vay tiền và fide âm thanh hai bên đã thừa nhận thể hiện ngày 13/9/2018 là thời điểm anh Phan Hữu S đòi nợ nhưng chị Phạm Thị L không trả. Do đó, căn cứ 5 điều 466 BLDS, HĐXX chấp nhận thời gian tính lãi nợ trong hạn từ ngày 13/9/2018 đến ngày 25/10/2019 là 408 ngày.

Tiền lãi trong hạn được xác định cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: Tính từ ngày 13/9/2018 đến tháng 25/10/2019:								
370.000.000đ	x	10%	:	365 ngày	x	408 ngày	=	**41.358.000đ**
(Bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).								

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS.

Về lệ phí giám định: Anh Phan Hữu S và chị Phạm Thị L đều yêu cầu giám định chữ viết, nhưng chị Phạm Thị Lo không nộp tạm ứng lệ phí giám định. Kết luận giám định số 40/C09-P5 ngày 19/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thể hiện lời trình bày của anh Phan Hữu S là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận, do đó chị Phạm Thị L phải chịu lệ phí giám định chữ viết theo quy định của pháp luật. Số tiền lệ phí giám định chữ viết anh Phan Hữu S đã nộp tạm ứng, do đó buộc chị Phạm Thị L phải trả lại cho anh Phan Hữu S.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, khoản 1, khoản 5 điều 466; điều 468; khoản 2 điều 469 BLDS; điều 147; khoản 2 điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hữu S.

Buộc chị Phạm Thị L phải trả nợ cho anh Phan Hữu S: **370.000.000đ** (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và **41.358.000đ** (Bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền lãi trong hạn.

Về lệ phí giám định: Buộc chị Phạm Thị L phải trả lại cho anh Phan Hữu S: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền lệ phí giám định chữ viết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 168 BLDS. Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải nộp: **20.817.000đ** (Hai mươi triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Phan Hữu S số tiền **9.250.000đ** (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà theo biên lai thu tiền số 0001731 ngày 03/01/2019.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- Phòng Nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Lộc Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lộc Hà;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu văn phòng TA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Lâm